

Số: 2431/QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình hành động của Bộ Khoa học và Công nghệ
thực hiện Nghị quyết số 64/NQ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ
Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết
Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng**

**BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện Nghị quyết số 64/NQ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VT, KHTH, PC, VPĐĐT, VP.



Chu Ngọc Anh

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
Thực hiện Nghị quyết số 64/NQ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ
ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết
Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2431/QĐ-BKHCN ngày 30 tháng 8 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng ban hành kèm theo Nghị quyết số 64/NQ-CP ngày 22/7/2016 của Chính phủ (Nghị quyết số 64), Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Chương trình hành động thực hiện các Nghị quyết nêu trên với các nội dung sau đây:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Quán triệt sâu sắc và cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII và Nghị quyết số 64 thành các nhiệm vụ của Bộ và của ngành khoa học và công nghệ. Thể hiện tinh thần quyết tâm đổi mới, sáng tạo, quyết liệt, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, bám sát yêu cầu thực tiễn để hoàn thành tốt các nhiệm vụ trọng tâm của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đề ra về phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2016-2021.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ được giao; thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí

1.1. Chú trọng giáo dục phẩm chất đạo đức và trách nhiệm công vụ, làm rõ quyền hạn và trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức, cơ quan, đơn vị.

1.2. Tăng cường công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức, năng lực công tác, tinh thần trách nhiệm và tính chuyên nghiệp cao.

1.3. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức quản lý khoa học và công nghệ ở các cấp. Chuẩn hóa cán bộ đáp ứng tiêu chuẩn các chức danh lãnh đạo, quản lý của cơ quan chuyên môn quản lý khoa học và công nghệ ở Trung

ương và địa phương. Thành lập Học viện quản lý khoa học và công nghệ nhằm đào tạo nguồn nhân lực quản lý trình độ cao về khoa học và công nghệ.

1.4. Thực hiện nghiêm các quy định về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức theo quy định tại Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ; gắn việc đánh giá cán bộ với việc chấp hành ý thức tổ chức kỷ luật, việc thực hiện chức trách được giao.

1.5. Triển khai thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các chủ trương, chính sách, các giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Thực hiện kê khai trung thực, chính xác, đầy đủ tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo quản lý.

2. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ

2.1. Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ từ trung ương đến địa phương theo hướng tinh gọn, tập trung vào việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện.

2.2. Kiện toàn tổ chức, bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của Bộ Khoa học và Công nghệ; đồng thời, kiện toàn tổ chức, bộ máy, chức năng nhiệm vụ các đơn vị thuộc Bộ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ.

2.3. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử để công khai, minh bạch nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước qua môi trường mạng. Công bố công khai quy trình, thủ tục, điều kiện kinh doanh, kết quả giải quyết kiến nghị, khiếu nại của doanh nghiệp.

2.4. Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020 và Quyết định số 387/QĐ-BKHCN ngày 12/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch cải cách hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2016 - 2020.

2.5. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ; nghiên cứu, hoàn thiện các cơ chế, chính sách mang tính đột phá nhằm khuyến khích nghiên cứu khoa học và cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học và công nghệ mới vào sản xuất để tăng năng suất lao động và tăng giá trị gia tăng của sản phẩm:

a) Hoàn thiện cơ chế đặt hàng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng; tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các nhà khoa học tiếp cận nguồn lực ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo tiêu chí minh bạch, hiệu quả.

c) Hướng dẫn thực hiện cơ chế mua kết quả nghiên cứu và phát triển đã được quy định tại Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 07/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ.

d) Nghiên cứu, hướng dẫn cơ chế phân bổ vốn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với đặc thù hoạt động khoa học và công nghệ, đảm bảo để cơ quan quản lý khoa học và công nghệ có quyền chủ động đặt hàng thực hiện nhiệm vụ trong hạn mức kinh phí đã được phân bổ và các đơn vị được cấp kinh phí kịp thời để triển khai nhiệm vụ ngay sau khi được phê duyệt.

đ) Thực hiện hiệu quả đề án tái cơ cấu ngành khoa học và công nghệ; tái cơ cấu các chương trình khoa học và công nghệ, đảm bảo tập trung nguồn lực ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng tâm, trọng điểm.

2.6. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước thông qua tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và thanh tra chuyên ngành việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đảm bảo nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực ngân sách chỉ cho khoa học và công nghệ.

3. Nghiên cứu, hoàn thiện các cơ chế, chính sách mang tính đột phá nhằm khuyến khích nghiên cứu khoa học và cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học và công nghệ mới vào sản xuất để tăng năng suất lao động và tăng giá trị gia tăng của sản phẩm

3.1. Xây dựng các chính sách phát triển thị trường công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thị trường công nghệ trong và ngoài nước, đặc biệt là các thị trường công nghệ ở những quốc gia có tiềm lực công nghệ mạnh.

3.2. Xây dựng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ.

3.3. Phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng chính sách hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp đổi mới công nghệ.

3.4. Đề xuất cơ chế khuyến khích các viện, trường, doanh nghiệp phối hợp trong nghiên cứu khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

3.5. Đề xuất các cơ chế cụ thể để giảm thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu một số sản phẩm, hàng hóa phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và giảm thuế thu nhập cá nhân đối với lao động trong một số lĩnh vực công nghệ thông tin thuộc lĩnh vực công nghệ cao, ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp, chế biến nông sản.

4. Xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia; phát huy năng lực sáng tạo của mọi cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức; phát triển thị trường khoa học và công nghệ

4.1. Hoàn thiện môi trường pháp lý phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia; thúc đẩy các mối liên kết trong hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia; tăng cường đổi mới sáng tạo trong khu vực doanh nghiệp thông qua các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ dành cho doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp dựa

trên công nghệ, tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, các viện nghiên cứu, trường đại học.

4.2. Thực hiện hiệu quả Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025; Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm; Chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020”; Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020:

a) Xây dựng Cổng thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia cung cấp thông tin về công nghệ, sáng chế, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ; chính sách, pháp luật; nguồn nhân lực; nguồn đầu tư và giao dịch đầu tư; đối tác, khách hàng; sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới; tổ chức, cá nhân hỗ trợ; tin tức, sự kiện trong nước, quốc tế và các hoạt động khác hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

b) Xây dựng Khu tập trung dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại các Bộ, địa phương có tiềm năng phát triển hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

c) Xây dựng, phát triển mạng lưới các tổ chức thúc đẩy kinh doanh dựa trên việc lựa chọn, xây dựng năng lực cho một số cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tiềm năng và đầu tư vốn ban đầu cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

d) Xây dựng mạng lưới nhà đầu tư cá nhân và mạng lưới quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

đ) Phát triển hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực và dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

e) Phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

g) Tăng cường truyền thông về hoạt động khởi nghiệp, hỗ trợ kết nối các mạng lưới khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, đầu tư mạo hiểm của Việt Nam với khu vực và thế giới, giới thiệu đối tác đầu tư.

h) Tăng cường hoạt động của Vietnam Silicon Valley (VSV) Corner theo mô hình thung lũng Silicon Việt Nam nhằm tạo một hệ sinh thái chú trọng đổi mới sáng tạo và thương mại hóa công nghệ, tập trung trao đổi thông tin và môi trường làm việc cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, các nhà đầu tư và các quỹ đầu tư mạo hiểm ở Việt Nam, tạo điều kiện để các nhà đầu tư tìm kiếm các startup tiềm năng và tư vấn cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực đầu tư của mình.

i) Nghiên cứu, hoàn thiện môi trường pháp lý thúc đẩy hoạt động các Quỹ đầu tư mạo hiểm, thúc đẩy hoạt động đầu tư vốn cho doanh nghiệp khởi nghiệp.

4.3. Tổ chức các ngày hội khởi nghiệp, sự kiện kết nối cung - cầu công nghệ, chợ công nghệ thiết bị, các hoạt động trình diễn, giới thiệu kết quả nghiên

cứu khoa học và phát triển công nghệ của các cơ sở nghiên cứu, đào tạo. Đưa nhận thức về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo thấm sâu vào văn hoá doanh nghiệp.

4.4. Khảo sát, đánh giá hiện trạng, năng lực công nghệ và nhu cầu đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp, xây dựng bản đồ công nghệ, lộ trình đổi mới công nghệ để định hướng nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ trong các ngành lĩnh vực, địa phương và doanh nghiệp. Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu đổi mới công nghệ để nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa và hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh thông qua các chương trình khoa học và công nghệ, các quỹ khoa học và công nghệ.

4.5. Tăng nguồn cung cho thị trường khoa học và công nghệ, thúc đẩy kết nối, gia tăng hoạt động mua bán, giao dịch công nghệ trên thị trường:

a) Đẩy mạnh việc đưa các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào ứng dụng sản xuất, kinh doanh.

b) Thúc đẩy kết nối, gia tăng hoạt động mua bán, giao dịch công nghệ trên thị trường.

c) Xây dựng và phát triển mạng lưới các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ, trong đó chú trọng dịch vụ chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng; tiếp tục hỗ trợ nâng cao năng lực cho các Trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ của địa phương.

d) Đào tạo khởi nghiệp, quản trị doanh nghiệp khoa học và công nghệ, phát triển nguồn nhân lực cho các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.

e) Cung cấp hạ tầng thông tin tiên tiến, kết nối quốc tế tốc độ cao thông qua mạng Nghiên cứu và đào tạo Việt Nam VinaREN, hỗ trợ kết nối và khai thác các kết quả nghiên cứu, hỗ trợ đào tạo, tư vấn và các chương trình huấn luyện khởi nghiệp, các sự kiện khởi nghiệp.

5. Thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập

5.1. Thực hiện hiệu quả quy hoạch mạng lưới các tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo Quyết định số 171/QĐ-TTg ngày 27/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”.

5.2. Hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 03/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; khuyến khích các tổ chức khoa học và công nghệ công lập chủ động, cạnh tranh thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thông qua tuyển chọn, đặt hàng, trong đó tiêu chí tự ứng dụng để sản xuất, hợp tác với doanh nghiệp để ứng dụng kết quả vào sản xuất là tiêu chí ưu tiên cao trong tuyển chọn; hướng dẫn hỗ trợ ngân sách chi thường xuyên thông qua đặt hàng nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, đảm bảo khả thi, rõ

ràng, thuận lợi trong triển khai thực hiện, phù hợp với đặc thù hoạt động khoa học và công nghệ.

5.3. Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. Xây dựng lộ trình tính đủ giá dịch vụ công.

5.4. Khẩn trương nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật các dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực khoa học và công nghệ làm căn cứ tính giá dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước.

5.5. Xây dựng tiêu chí, phương pháp đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập; tổ chức hướng dẫn, thực hiện và kiểm tra hoạt động tự đánh giá và đánh giá các tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Gắn việc phân bổ nguồn lực ngân sách nhà nước với kết quả đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

6. Khuyến khích nhập khẩu công nghệ nguồn, công nghệ cao; kiểm soát chặt nhập công nghệ lạc hậu, công nghệ và máy móc thiết bị đã qua sử dụng

6.1. Nghiên cứu, hoàn thiện trình Quốc hội khóa VIX xem xét, thông qua Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2006; xây dựng Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ. Bổ sung các quy định khuyến khích nhập khẩu công nghệ nguồn, công nghệ cao, kiểm soát công nghệ lạc hậu, công nghệ và máy móc thiết bị đã qua sử dụng vào Luật Chuyển giao công nghệ sửa đổi và các văn bản hướng dẫn thi hành.

6.2. Tiếp nhận vướng mắc của các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức, doanh nghiệp trong quá trình triển khai để kịp thời hỗ trợ theo đúng quy định của pháp luật. Tổng hợp danh sách máy móc, thiết bị đã qua sử dụng mà các nước công bố loại bỏ do lạc hậu, chất lượng kém, gây ô nhiễm môi trường, tổ chức dịch ra tiếng Việt để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ để các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp biết và khai thác thông tin.

6.3. Thực hiện tốt chức năng thẩm định công nghệ các dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và thẩm định cấp Giấy chứng nhận hợp đồng chuyển giao công nghệ cho các tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ tại Bộ Khoa học và Công nghệ.

7. Tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia

7.1. Tăng cường nguồn nhân lực khoa học và công nghệ thông qua chính sách trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ quy định tại Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; thực hiện hiệu quả “Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ ở trong nước và ngoài nước bằng ngân sách nhà nước” theo Quyết định số 2395/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; thu hút chuyên

gia giới ở nước ngoài tham gia các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong nước; thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tự do sáng tạo trong hoạt động nghiên cứu, tư vấn, phản biện của nhà khoa học.

7.2. Tăng cường số lượng và chất lượng các tổ chức khoa học và công nghệ, trong đó khuyến khích phát triển tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập; các tập đoàn, doanh nghiệp đầu tư xây dựng các cơ sở nghiên cứu phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh; đầu tư, hỗ trợ phát triển hệ thống các tổ chức khoa học và công nghệ công lập, các tổ chức khoa học và công nghệ trọng điểm theo quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tăng cường cơ sở vật chất các tổ chức khoa học và công nghệ công lập, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nghiên cứu khoa học và công nghệ trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng.

7.3. Khuyến khích, huy động nguồn vốn xã hội, đặc biệt là từ các tập đoàn, doanh nghiệp đầu tư cho khoa học và công nghệ thông qua hệ thống quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các Bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, doanh nghiệp. Tăng cường thực hiện các nhiệm vụ liên kết có đối ứng kinh phí và sự tham gia hiệu quả của tập đoàn, doanh nghiệp. Nhà nước đóng vai trò khuyến khích, hỗ trợ, cầu nối giữa các viện trường và doanh nghiệp, với sự tham gia góp vốn của ngân sách nhà nước và nguồn ngoài ngân sách nhà nước.

7.4. Phát triển nguồn tin khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ. Xây dựng Đề án trình Thủ tướng Chính phủ làm căn cứ để phát triển hệ thống nguồn tin khoa học và công nghệ, bao gồm nguồn tin trong nước và nguồn tin quốc tế với đầy đủ các cơ sở dữ liệu tiệm cận trình độ khoa học và công nghệ của khu vực và thế giới. Dành tỉ lệ hợp lý ngân sách hoạt động khoa học và công nghệ cho thông tin khoa học và công nghệ. Thúc đẩy việc phát triển và ứng dụng mạng VinaREN kết nối phục vụ hội nhập quốc tế trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của các trung tâm thông tin và thông kê khoa học và công nghệ ở Trung ương và địa phương.

7.5. Xây dựng một số mô hình tổ chức khoa học và công nghệ hiện đại, tiên tiến, phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo và vườn ươm công nghệ.

a) Ban hành tiêu chí, lựa chọn một số tổ chức khoa học và công nghệ đạt trình độ khu vực và thế giới để tập trung đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị nghiên cứu, đảm bảo đến năm 2020, một số lĩnh vực nghiên cứu có cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

b) Thí điểm thành lập một số tổ chức khoa học và công nghệ theo mô hình tiên tiến của thế giới, trước tiên là Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc (V-KIST). Ban hành và áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù đối với V-KIST.

c) Lựa chọn và tập trung đầu tư tại mỗi vùng kinh tế trọng điểm ít nhất một tổ chức khoa học và công nghệ mạnh gắn với tiềm năng, lợi thế của vùng, để đào tạo nhân lực, giải quyết những vấn đề khoa học và công nghệ của vùng.

d) Khuyến khích thành lập các viện nghiên cứu phát triển có vốn đầu tư nước ngoài và thành lập chi nhánh của các viện nghiên cứu có uy tín của nước ngoài ở Việt Nam.

đ) Xây dựng và triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn liên quan đến việc hình thành và phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, cơ chế khuyến khích, hỗ trợ thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ từ các viện nghiên cứu, trường đại học.

8. Hoàn thiện thể chế định giá tài sản trí tuệ, tăng cường bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và xử lý nghiêm các vi phạm; tăng cường hoạt động quản lý về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm và hàng hóa

8.1. Hoàn thiện thể chế định giá tài sản trí tuệ, tăng cường bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và xử lý nghiêm các vi phạm:

a) Tiếp tục rà soát, đề xuất sửa đổi các quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ để cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, thông thoáng cho nhà đầu tư.

b) Tăng cường hỗ trợ, xác lập, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ cho các tổ chức, cá nhân; triển khai các giải pháp nâng cao năng lực, hiệu quả của hệ thống bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ, góp phần lành mạnh hóa môi trường kinh doanh, thu hút nguồn đầu tư vào các hoạt động sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

c) Thực hiện hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp giai đoạn 2016 - 2020; hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp, địa phương đăng ký xác lập quyền và bảo vệ tài sản trí tuệ cho hàng xuất khẩu, đặc biệt ở các thị trường tiềm năng của Việt Nam; tiếp tục nâng cao nhận thức của toàn xã hội đặc biệt là các doanh nghiệp về sở hữu trí tuệ; tăng cường công tác đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ trong hệ thống sở hữu trí tuệ.

d) Thực hiện hiện đại hoá hệ thống thông tin tích hợp phục vụ công tác thẩm định đơn sở hữu trí tuệ và các chương trình, dự án ứng dụng công nghệ thông tin khác để tăng cường năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước, thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

đ) Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ để đáp ứng các cam kết của Việt Nam khi tham gia Hiệp định thương mại tự do và Hiệp định đối tác chiến lược xuyên Thái Bình Dương.

e) Tăng cường hợp tác với Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), cung cấp các thông tin về chỉ tiêu sáng chế để phục vụ việc tính toán các chỉ tiêu xếp hạng của môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh quốc gia.

8.2. Tăng cường hoạt động quản lý về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa:

a) Rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế quản lý về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa:

- Rà soát Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Luật Đo lường và các văn bản hướng dẫn thi hành đảm bảo phù hợp các cam kết TBT trong Hiệp định TPP.

- Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ về ghi nhãn hàng hóa.

- Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

- Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Rà soát, tháo gỡ những vướng mắc, bất cập trong quy định về chứng nhận hợp quy, kiểm tra hàng nhập khẩu.

9. Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học và công nghệ trong phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh

9.1. Tập trung xác định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc các chương trình quốc gia để đầu tư trọng tâm, trọng điểm.

9.2. Đầu tư đúng mức và có trọng điểm cho nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu về khoa học xã hội và nhân văn và khoa học tự nhiên phục vụ hoạch định đường lối, chính sách phát triển đất nước, phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Ưu tiên đặc biệt cho các nhiệm vụ phục vụ tiềm lực quốc phòng.

9.3. Phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan ưu tiên nguồn lực để phát triển công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp năng lượng, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, công nghệ vật liệu mới, công nghệ cơ khí - tự động hóa, công nghệ thông tin và truyền thông, công nghiệp phần mềm, công nghệ môi trường, công nghệ sinh học, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là công nghiệp chế biến sau thu hoạch; đẩy mạnh các ngành dịch vụ, đặc biệt là các ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức, công nghệ và giá trị gia tăng cao; ứng dụng công nghệ trong đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ trong các ngành, lĩnh vực: Y - dược, giao thông, xây dựng, năng lượng, khoa học và công nghệ biển, khoa học và công nghệ quản lý và sử dụng tài nguyên thiên nhiên, khoa học và công nghệ vũ trụ.

9.4. Phát triển khoa học và công nghệ ở các vùng, địa phương: Tập trung triển khai nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong các vùng kinh tế trọng điểm; tiếp tục triển khai Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên, Tây Bắc, Tây Nam Bộ và Chương trình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông thôn, miền núi và vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở những nội dung, nhiệm vụ chủ yếu trong Chương trình hành động này, căn cứ chức năng, nhiệm vụ đã được phân công, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện và cụ thể hóa thành các mục tiêu, nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hàng năm của đơn vị; tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện các nội dung liên quan của Chương trình hành động.

2. Các đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện các đề án, nhiệm vụ quy định tại Phụ lục kèm theo Chương trình này khẩn trương lập kế hoạch, lồng ghép với các kế hoạch hoạt động liên quan khác và tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo tiến độ.

3. Định kỳ 6 tháng (trước ngày 15 tháng 6) và năm (trước ngày 15 tháng 11 hàng năm) đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện Chương trình hành động, xây dựng báo cáo gửi Văn phòng Bộ để tổng hợp, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Văn phòng Chính phủ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

4. Văn phòng Bộ chủ trì theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện Chương trình hành động. Trong quá trình tổ chức thực hiện chủ động báo cáo, kiến nghị với Bộ trưởng về các biện pháp cần thiết nhằm đảm bảo Chương trình hành động được thực hiện hiệu quả./.

BỘ TRƯỞNG



Chu Ngọc Anh



Phụ lục
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 64/NQ-CP ngày 22/7/2016 của Chính phủ
(Ban hành kèm theo Chương trình hành động của Bộ Khoa học và Công nghệ
tại Quyết định số 2431/QĐ-BKHCN ngày 30/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

STT	Tên chương trình/đề án	Thời gian trình	Cấp trình	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về KH&CN					
1.	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN	2016	Chính phủ	Vụ KHTH	VP Bộ, Vụ Pháp chế và các đơn vị liên quan
2.	Nghị định thay thế Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26/02/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ KH&CN	2016	Chính phủ	Vụ TCCB	Các đơn vị trực thuộc
3.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thực hiện thí điểm mua kết quả nghiên cứu KH&CN	2017	TTgCP	Viện CLCS	Các đơn vị liên quan
4.	Thông tư sửa đổi Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng NSNN	2017	Bộ trưởng Bộ KH&CN	Vụ KHTH	Các đơn vị liên quan
5.	Thông tư sửa đổi Thông tư 10/2014/TT-BKHCN, Thông tư số 23/2014/TT-BKHCN quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng NSNN	2016	Bộ trưởng Bộ KH&CN	Vụ KHTH	Các đơn vị liên quan
6.	Đề án rà soát, sắp xếp các chương trình KH&CN quốc gia	2016-2017	Bộ trưởng Bộ KH&CN	Vụ KHTH	Các đơn vị liên quan

II. Nghiên cứu, hoàn thiện các cơ chế, chính sách mang tính đột phá, nhằm khuyến khích nghiên cứu khoa học và cải tiến kỹ thuật, áp dụng KH&CN mới vào sản xuất để tăng năng suất lao động và tăng giá trị gia tăng của sản phẩm					
7.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án bảo đảm cơ sở vật chất, nâng cao năng lực đội ngũ và đổi mới hoạt động nghiên cứu chuyển giao khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp	2016	TTgCP	Cục UDPTCN	Các đơn vị liên quan
8.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển dịch vụ KH&CN đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	2017	TTgCP	Vụ DTG	Các đơn vị liên quan
9.	Xây dựng các chính sách phát triển thị trường công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thị trường công nghệ trong và ngoài nước, đặc biệt là các thị trường công nghệ ở những quốc gia có tiềm lực công nghệ mạnh	2016	Chính phủ	Cục PTTTĐN, VP 1136	Các đơn vị liên quan
10.	Phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng chính sách hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp đổi mới công nghệ	2016-2021	Quốc hội, Chính phủ	Cục PTTTĐN, Cục UDPTCN	Các đơn vị liên quan
11.	Đề xuất các cơ chế cụ thể để giảm thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu một số sản phẩm, hàng hóa phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và giảm thuế thu nhập cá nhân đối với lao động trong một số lĩnh vực công nghệ thông tin thuộc lĩnh vực công nghệ cao, ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp, chế biến nông sản	2016	Chính phủ	Vụ TC	Các đơn vị liên quan
III. Xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, phát huy năng lực sáng tạo của mọi cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức, phát triển thị trường KH&CN					
12.	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2007/NĐ-CP và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP của Chính phủ về doanh nghiệp KH&CN	2016	Chính phủ	Cục PTTTĐN	Các đơn vị liên quan
13.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án bảo đảm cơ sở vật chất, nâng cao năng lực đội ngũ và đổi mới hoạt động nghiên cứu chuyển giao KH&CN trong các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp	2016	TTgCP	Cục UDPTCN	Các đơn vị liên quan

14.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển dịch vụ KH&CN đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	2017	TTgCP	Vụ DTG	Các đơn vị liên quan
15.	Thông tư hướng dẫn quản lý Đề án hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo đến năm 2025	2016	Bộ trưởng Bộ KH&CN	Cục PITTDN	Các đơn vị liên quan
IV. Thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập					
16.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục sự nghiệp công sử dụng NSNN của Bộ KH&CN	2016	TTgCP	Vụ Tài chính	Các đơn vị liên quan
17.	Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 54/2016/NĐ-CP về tự chủ đối với các tổ chức KH&CN công lập	2016	Bộ trưởng Bộ KH&CN	Vụ TCCB	Các đơn vị liên quan
18.	Thông tư hướng dẫn đánh giá chất lượng dịch vụ công trong lĩnh vực KH&CN	2016	Bộ trưởng Bộ KH&CN	Vụ DTG	Các đơn vị liên quan
19.	Quyết định của Bộ trưởng Bộ KH&CN phê duyệt hệ thống định mức KT-KT các dịch vụ công của Bộ KH&CN	2017	Bộ trưởng Bộ KH&CN	Viện CLCS	Các đơn vị liên quan
V. Khuyến khích nhập khẩu công nghệ nguồn, công nghệ cao; kiểm soát chặt nhập khẩu công nghệ lạc hậu, công nghệ và máy móc thiết bị đã qua sử dụng					
20.	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CGCN	2016	Quốc hội	Vụ DTG	Các đơn vị liên quan
21.	Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật CGCN	2017	Chính phủ	Vụ DTG	Các đơn vị liên quan
22.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao, danh mục công nghệ chuyển giao có điều kiện và danh mục công nghệ cấm chuyển giao	2017	TTgCP	Vụ DTG	Các đơn vị liên quan
23.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Danh mục các phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng phải loại bỏ và các tổ máy phát điện hiệu suất thấp không được xây dựng mới	Hàng năm	TTgCP	Vụ CNN	Các đơn vị liên quan

24.	Quyết định sửa đổi bổ sung danh mục CNC được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm CNC được khuyến khích phát triển	2017	TTgCP	Vụ CNC	Các đơn vị liên quan
VI. Tăng cường tiềm lực KH&CN quốc gia					
25.	Nghị định thay thế Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28/8/2003 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Khu Công nghệ cao	2017	Chính phủ	Vụ CNC	Các đơn vị liên quan
26.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án bảo đảm nguồn tin cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	2016	TTgCP	Cục TTKH&CNQG	Các đơn vị liên quan
27.	Thông tư hướng dẫn cơ chế liên kết thực hiện nhiệm vụ KH&CN	2016	Bộ trưởng Bộ KH&CN	Vụ KHTH	Các đơn vị liên quan
28.	Thông tư hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định số 2395/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KH&CN ở trong nước và nước ngoài bằng NSNN	2016	Bộ trưởng Bộ KH&CN	Vụ TCCB	Các đơn vị liên quan
29.	Quyết định của Bộ trưởng Bộ KH&CN ban hành điều lệ và tổ chức bộ máy của Viện V-KIST	2016	Bộ trưởng Bộ KH&CN	Vụ TCCB	Các đơn vị liên quan
30.	Quyết định của Bộ trưởng Bộ KH&CN ban hành cơ chế tài chính đặc thù của Viện V-KIST	2016	Bộ trưởng Bộ KH&CN	Vụ TC	Các đơn vị liên quan
31.	Quyết định của Bộ trưởng Bộ KH&CN phê duyệt tiêu chí lựa chọn tổ chức KH&CN đạt trình độ tiên tiến của khu vực để tập trung đầu tư	2017	Bộ trưởng Bộ KH&CN	Vụ XHTH	Vụ TCCB và các đơn vị liên quan
32.	Đề án thành lập Học viện Quản lý KH&CN	2017	TTgCP	Vụ TCCB	Trường Quản lý KH&CN, Viện CLCS KH&CN và các đơn vị liên quan

VII. Hoàn thiện thể chế định giá tài sản trí tuệ, tăng cường bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và xử lý nghiêm các vi phạm; tăng cường hoạt động quản lý về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm và hàng hóa

33.	Dự án Luật sửa đổi Luật SHTT	2018	Quốc hội	Cục SHTT	Các đơn vị liên quan
34.	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật	2019	Quốc hội	Tổng cục TĐC	Các đơn vị liên quan
35.	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa	2019	Quốc hội	Tổng cục TĐC	Các đơn vị liên quan
36.	Xây dựng Chiến lược quốc gia về SHTT giai đoạn 2016 - 2030	2016	TTGCP	Viện Khoa học SHTT	Cục SHTT, Các đơn vị liên quan
37.	Thông tư hướng dẫn thực hiện Chương trình phát triển SHTH giai đoạn 2016 - 2020	2016	Bộ trưởng Bộ KH&CN	Cục SHTT	Các đơn vị liên quan
38.	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ về nhãn hàng hóa	2016	Chính phủ	Tổng cục TĐC	Các đơn vị liên quan
39.	Nghị định quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật	2017	Chính phủ	Tổng cục TĐC	Các đơn vị liên quan
40.	Nghị định quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành một số Điều của Luật chất lượng hàng hóa	2017	Chính phủ	Tổng cục TĐC	Các đơn vị liên quan

VIII. Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng có hiệu quả các thành tựu KH&CN trong phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh

41.	Nghị định về phát triển ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ trong các ngành kinh tế - xã hội	2018	Chính phủ	Cục NLNT	Các đơn vị liên quan
-----	----------------------------------------------------------------------------------------------	------	-----------	----------	----------------------